

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-CA

Quảng Xương, ngày tháng năm 2021

V/v Hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công điện số 22/CD-UBND ngày 20/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh trước diễn biến mới của dịch bệnh. Để tăng cường, siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch; căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực, Bộ Luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Chủ tịch UBND huyện hướng dẫn thực hiện xử lý một số hành vi vi phạm pháp luật trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 như sau:

I. NHÓM CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CÓ THỂ XẢY RA TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

1. Vi phạm quy định về thông tin, giáo dục truyền thông trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm

1.1. Hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

- Mức phạt:

+ Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động dưới 100 người;

+ Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 100 người đến dưới 300 người;

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 300 người đến dưới 500 người;

+ Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 500 người đến dưới 1.000 người;

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 1.000 người đến dưới 1.500 người;

+ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 1.500 người đến dưới 2.500 người;

+ Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động từ 2.500 người trở lên.

- Quy định: Tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP, ngày

28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực y tế.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

1.2. Hành vi đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19

a) Hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19:

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức (Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức).

Biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật”.

- Quy định: tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương VIII Nghị định số 15/2020/NĐ-CP.

* *Xử lý hình sự:* Trường hợp đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015.

b) Hành vi đưa tin không chính xác về tình hình dịch bệnh truyền nhiễm (dịch bệnh Covid-19) sau khi công bố dịch hoặc công bố hết dịch theo nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế cung cấp

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân (cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn đã đưa tin trước đó liên tục trong 03 ngày theo quy định của pháp luật”.

- Quy định: Tại Điểm a Khoản 3 và Điểm a Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

3. Vi phạm quy định về giám sát bệnh truyền nhiễm

3.1. Hành vi không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Quy định: Tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

3.2. Hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng của bản thân hoặc của người khác mắc dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- Quy định: Tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

* **Xử lý hình sự:** Trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

5. Vi phạm quy định về cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế đối với người mắc dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt:

+ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh Covid - 19.

- **Biện pháp khắc phục hậu quả:** Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

- Quy định: Tại Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

* **Xử lý hình sự:** Trường hợp làm lây lan dịch bệnh Covid-19 cho người khác sẽ bị xử lý theo Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015.

6.Vi phạm quy định về áp dụng biện pháp chống dịch

6.1.Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế (Hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc ra đường thuộc diện không cần thiết)

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- Quy định: tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

6.2. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng để phòng, chống dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).

- Quy định: Tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

6.3. Hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).
- Quy định: tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

6.4. Hành vi không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức).
- Quy định: tại Điểm b Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

7. Hành vi vi phạm quy định về khẩu trang, các chất, vật dụng đã sử dụng không đúng nơi quy định có khả năng làm lây lan dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.
- Quy định: tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định Chương III Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

8. Hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ

8.1. Hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật hoặc niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng

- Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Mức phạt trên áp dụng đối với cá nhân (đối với tổ chức vi phạm bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân).
- Quy định: Tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP).
- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương 5 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

8.2. Hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện

- Mức phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức).
- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu

cao hơn giá niêm yết, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.

- Quy định: Tại Khoản 3 và 7 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương 5 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

11. Vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại

Hành vi giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người nước ngoài vào Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép

- Mức phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức). Người nước ngoài có hành vi VPHC, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể còn bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Quy định: Tại Điểm a Khoản 5 và Khoản 9 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương 3 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

* *Xử lý hình sự*: Hành vi liên quan đến quy định về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép có thể bị xử lý theo Điều 347 và 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

12. Hành vi cản trở, chống lại người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

12.1. Hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát; có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ; xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19

- Mức phạt: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: Tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

12.2. Hành vi dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ hoặc gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Mức phạt: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức).

- Quy định: Tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

- Thẩm quyền xử phạt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

* *Xử lý hình sự*: Hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 có thể bị xử lý theo Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó cần lưu ý một số nội dung:

1. Lập Biên bản VPHC

a) Về thẩm quyền lập biên bản VPHC:

- Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017) và các nghị định xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực cụ thể; bao gồm:

+ Người có thẩm quyền xử phạt;
+ Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực được giao.

- Việc xử phạt VPHC không lập biên bản (*theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý VPHC*): Được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt VPHC tại chỗ.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

Quyết định xử phạt VPHC tại chỗ được thực hiện theo mẫu quyết định số 01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP đối với Chủ tịch UBND các cấp (*trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành mẫu Quyết định XPVP thuộc ngành, lĩnh vực cụ thể thì sử dụng mẫu Quyết định theo lĩnh vực chuyên ngành trong xử lý VPHC*).

b) Khi lập biên bản VPHC cần thực hiện theo các nội dung sau

- Về thủ tục, nội dung lập biên bản VPHC: Theo quy định Điều 58, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012. Cụ thể:

+ Biên bản VPHC phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn VPHC và bảo đảm việc xử lý tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc gia đình của người vi phạm; nếu có người chứng kiến thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về VPHC của người vi phạm hoặc đại diện gia đình của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình (nếu có).

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

+ Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định (tham gia việc lập biên bản) phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản VPHC lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm 01 bản; trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên VPHC (chưa đủ 18 tuổi) thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

+ Một hành vi VPHC chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền xử phạt phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý VPHC hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thi hành hoặc đang thi hành quyết định mà sau đó vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó, thì hành vi vi phạm này được coi là hành vi vi phạm mới.

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì biên bản VPHC phải ghi rõ từng hành vi vi phạm.

- Mẫu biểu: Sử dụng mẫu biểu MBB01 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP (*trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành mẫu Biên bản phù hợp để sử dụng trong ngành thì sử dụng mẫu Biên bản này trong xử lý VPHC*).

2. Xác minh tình tiết của vụ việc VPHC (Thực hiện theo Điều 59, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- Có hay không có vi phạm hành chính;
- Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

- Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này;
- Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.

3. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (nếu có)

Thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý VPHC.

4. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt VPHC

- Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ việc vi phạm; nếu trường hợp vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền hoặc ngược lại.

- Trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Xử lý VPHC.

5. Ban hành quyết định xử phạt VPHC

(Điều 66, 67, 68, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

5.1. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản...

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. (Điều 66- Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012)

5.2. Nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Thực hiện theo Điều 68, Luật Xử lý VPHC năm 2012 (Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành mẫu Quyết định XPVPHC phù hợp để sử dụng trong ngành thì sử dụng mẫu QĐ trong lĩnh vực chuyên ngành để xử lý VPHC)).

5.3. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

+ Thời hạn gửi quyết định xử phạt để thi hành: 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định. (Điều 70 – Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012).

+ Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. (Điều 72- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012).

6. Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể:

+ Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi VPHC không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung tiền phạt và mức tối thiểu của khung tiền phạt.

+ Đối với hành vi VPHC có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý VPHC 2012 thì mức tiền phạt có thể được giảm xuống thấp hơn so với mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt đó; nếu có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 10 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể tăng trên mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung tiền phạt đó.

- Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp thời gian nhiều hơn được ghi trong quyết định theo quy định tại Điều 73 Luật Xử lý VPHC.

***Một số lưu ý khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Trường hợp cấp phó ra quyết định xử phạt thì phải ghi rõ Quyết định giao quyền theo quy định Điều 54 Luật Xử lý VPHC năm 2012, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

2. Ngày có hiệu lực của quyết định: Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

+ Các biện pháp khắc phục hậu quả: Phải ghi đúng hình thức khắc phục theo quy định của Luật Xử lý VPHC năm 2012 và Nghị định về xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực.

+ Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Khoản 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

+ Trường hợp quyết định xử phạt VPHC thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện, các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, kèm tờ trình và dự thảo quyết định chuyển Công an huyện (qua Đội An ninh) chậm nhất sau 02 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC để thẩm định trước khi trình Chủ tịch UBND huyện ra quyết định xử phạt.

6. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC

Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Xử lý VPHC, Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC.

7. Cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC

- Cường chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 của Luật Xử lý VPHC năm 2012.

- Việc cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Điều 86, 87, 88 Luật Xử lý VPHC năm 2012 và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC.

8. Lưu trữ hồ sơ xử phạt VPHC

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý VPHC năm 2012 và hướng dẫn của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn cụ thể một số quy định của pháp luật trong thực hiện xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Tư pháp và Công an huyện) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Các đ/c PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, CA.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thịnh